

Phường Hai Bà Trưng, ngày 15 tháng 06 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN
Sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Hai Bà Trưng

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Sắp xếp tổ dân phố trên địa bàn phường Hai Bà Trưng theo hướng tinh gọn, hợp lý, phù hợp tiêu chuẩn, điều kiện tổ chức theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, phù hợp quy mô dân cư, ranh giới, hạ tầng, truyền thống cộng đồng và yêu cầu quản lý nhà nước ở cơ sở.

Nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tạo thuận lợi trong tuyên truyền, vận động Nhân dân, thực hiện dân chủ ở cơ sở, bảo đảm an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh và chuyển đổi số ở cơ sở.

2. Yêu cầu

Bám sát quy định của pháp luật, chỉ đạo của Trung ương, Thành phố và tình hình thực tiễn của phường; bảo đảm công khai, dân chủ, thận trọng, có sự đồng thuận của Nhân dân.

Không sắp xếp cơ học, không chạy theo chỉ tiêu giảm số lượng; phải đánh giá đầy đủ tác động về quản lý dân cư, hạ tầng, thiết chế văn hóa, tổ chức đảng, Mặt trận, đoàn thể, an ninh trật tự, phong tục, tập quán, tôn giáo, tín ngưỡng và lịch sử cộng đồng dân cư.

Gắn sắp xếp tổ dân phố với phương án bố trí, kiện toàn người hoạt động không chuyên trách; giải quyết chế độ, chính sách đối với người không tiếp tục tham gia theo quy định; không để phát sinh khiếu nại, kiến nghị phức tạp.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÔN, TỔ DÂN PHỐ

1. Khái quát đặc điểm địa bàn

Phường Hai Bà Trưng được hình thành trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của phường Đồng Nhân, phường Phó Huế, một phần diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các phường Bạch Đằng, Lê Đại Hành, Nguyễn Du, Thanh Nhàn và phần còn lại của phường Phạm Đình Hồ theo Nghị quyết số 1656/NQUBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tại thành phố Hà Nội.

Đơn vị hành chính Phường Hai Bà Trưng sau sắp xếp có diện tích tự nhiên là 2,62 km², 28.175 hộ dân, dân số 91.766 người với 61 Tổ dân phố thuộc 60 Chi bộ. Trên địa bàn phường có công viên Thống Nhất cùng hệ thống 25 trường công lập thuộc các cấp học; có 04 bệnh viện cấp Trung ương và Thành phố (Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương, Bệnh viện Mắt Trung ương, Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô), tạo lợi thế lớn về nguồn lực lao động và dịch vụ y tế. Hệ thống giáo dục, y tế của phường cơ bản đáp ứng được nhu cầu của nhân dân trên địa bàn phường.

Phường Hai Bà Trưng là một trong những phường trung tâm của Thủ đô Hà Nội; là vùng đất có bề dày lịch sử, giàu truyền thống văn hóa. Phường vinh dự được

mang tên hai vị nữ anh hùng đầu tiên trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Là vùng đất cổ, nơi đây có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, di tích cách mạng kháng chiến tiêu biểu như đền thờ Hai Bà Trưng, di tích Chùa Vua, chùa Quang Hoa-Thiền Quang-Pháp Hoa, di tích Đền Nam Giao với nhiều lễ hội dân gian truyền thống được lưu giữ. Các ngôi chùa trên địa bàn phường với nét kiến trúc nghệ thuật cổ kính, gắn với sự tích các danh thần, danh tướng của lịch sử nước nhà qua các thời kỳ Trung Vương, Lý, Trần, Lê. Bên cạnh đó, địa bàn Phường cũng là nơi tập trung nhiều trường đại học lớn của Thủ đô, quy tụ đội ngũ trí thức chuyên môn cao ở nhiều lĩnh vực. Trên địa bàn phường có 32 di tích lịch sử - văn hoá, trong đó có:

- 01 di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt (Di tích lịch sử QGĐB Đền-Chùa- Đền Hai Bà Trưng).

- 08 di tích kiến trúc nghệ thuật (Đền-Chùa Hoà Mã, Chùa Quang Hoa, Chùa Pháp Hoa, Chùa Thiền Quang, Chùa Vân Hồ, Chùa Chân Tiên, Chùa Đức Viên, Chùa Đông Tân)

- 01 di tích lịch sử nghệ thuật (Chùa Thọ Lão)

- 02 di tích lịch sử văn hoá (Đền-Chùa Đông Hạ, Đền Cơ Xá)

- 01 di tích lịch sử (Chùa Vua)

- 01 di tích khảo cổ (Đền Nam Giao) và 18 di tích khác trên toàn địa bàn phường.

Vị trí địa lý thuận lợi đã tạo điều kiện để phường Hai Bà Trưng phát triển mạnh các lĩnh vực thương mại, dịch vụ và đô thị; thu hút số lượng lớn doanh nghiệp và lực lượng lao động đến sinh sống, làm việc. Đồng thời, đây cũng là khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu ngân sách và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân trên địa bàn phường, góp phần vào sự phát triển chung của thành phố Hà Nội.

2. Hiện trạng số lượng, quy mô, nhân sự và định hướng xử lý

a) Hiện trạng số lượng, quy mô:

- Tổng số tổ dân phố hiện tại: 61, trong đó: 01 tổ dân phố có trên 700 hộ gia đình (TDP 58).

- 60 tổ dân phố còn lại dưới 700 hộ gia đình

b) Nhân sự:

- Tổng số Bí thư chi bộ tại 61 TDP: 60, trong đó:

+ 06 BTCB trực tiếp.

+ 42 BTCB kiêm Trưởng ban CTMT.

+ 12 BTCB kiêm Tổ trưởng TDP

- Tổng số Tổ trưởng TDP: 49 (Trừ 12 Tổ trưởng TDP do BTCB kiêm nhiệm), trong đó:

+ 40 Tổ trưởng TDP trực tiếp.

+ 09 Tổ trưởng TDP kiêm Phó Bí thư CB

- Tổng số TBCTMT: 18 (Trừ 42 TBCTMT do BTCB kiêm nhiệm), trong đó:

+ 07 TBCTMT trực tiếp

+ 11 PBT chi bộ kiêm TBCTMT

c) Định hướng xử lý:

- Sắp xếp, tổ chức lại 61 TDP.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CỤ THỂ

Phương án này có sự điều chỉnh ranh giới giữa các tổ dân phố theo các tuyến đường hiện trạng, tránh cài đan xen giữa các tuyến phố, tạo được hiệu quả đề thực hiện quản lý của các tổ dân phố mới sau này.

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m ²	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
1	Nguyễn Du 1	Toàn bộ: tổ 8, tổ 9, tổ 10 và hồ Thiên Quang	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Nguyễn Du (từ số nhà 59 đến số nhà 89) - Phố Quang Trung (toàn bộ hè phố phía hồ Thiên Quang) - Phố Trần Nhân Tông (từ số nhà 58 đến số nhà 84, 69 đến 93) và toàn bộ hè phố bên Công viên Thống Nhất - Phố Lê Duẩn (từ số nhà 177 đến số nhà 295) và toàn bộ hè phố Công viên Thống Nhất (bên mặt phố Lê Duẩn) - Toàn bộ diện tích hồ Thiên Quang.	213,296	1,392	5,033	5	Dùng nhà SHCĐ tại địa chỉ 12 Thuyền Quang (151.7m) và số 18 Nguyễn Thượng Hiền
2	Nguyễn Du 2	Phần lớn: tổ 2, tổ 7 và 1 phần tổ 1	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Nguyễn Du (từ số nhà 01 đến số nhà 57) - Phố Huế (từ số nhà 52 đến số nhà 98) - Phố Trần Nhân Tông (từ số nhà 2 đến số nhà 56) - Phố Quang Trung (từ số nhà 51 đến số nhà 61)	71,145	982	3,219	4	Dùng Nhà SHCĐ tại địa chỉ 25 Triệu Việt Vương (52.8m) và số 9 Triệu Việt Vương
3	Nguyễn Du 3	Phần lớn: tổ 3, tổ 6 và 1 phần tổ: 1, 2, 7	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Trần Nhân Tông (từ số nhà 1 đến số nhà 65) - Phố Huế (từ số nhà 100 đến số nhà 154) - Phố Tuệ Tĩnh (từ số nhà 2 đến số nhà 118) - Toàn bộ hai bên hè phố và lòng đường Phố Nguyễn Đình Chiểu (từ số nhà 1 đến số nhà 23).	68,215	1,038	3,428	5	Dùng Nhà SHCĐ tại địa chỉ 168 Bà Triệu (45.4m), 176 Bà Triệu và 194 Bà Triệu

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
4	Nguyễn Du 4	Toàn bộ: tổ 4, tổ 5 và 1 phần tổ: 1, 3, 11, 39	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Tuệ Tĩnh (từ số nhà 1 đến số nhà 63) - Phố Huế (từ số nhà 156 đến số nhà 280) - Phố Đoàn Trần Nghiệp (từ số nhà 2 đến số nhà 30) - Phố Bà Triệu (từ số nhà 135 đến số nhà 191)	85,180	1,320	4,395	5	Dùng Nhà SHCD tại số 173 Bà Triệu (74.3m), 12 Đoàn Trần Nghiệp
5	Lê Đại Hành 1	Toàn bộ: tổ 12, tổ 13, phần lớn tổ 11, 1 phần tổ 6, 15 và Công viên Thống Nhất	Được giới hạn bởi phố và ngõ (tính từ giữa tim đường): - Phố Tuệ Tĩnh (từ số nhà 65 đến số nhà 93) - Phố Bà Triệu (từ số nhà 212 đến số nhà 304) - Phố Đoàn Trần Nghiệp (từ số nhà 32 đến số nhà 46) - Phố Lê Đại Hành (từ số nhà 52 đến số nhà 54) - Ngõ 55 phố Lê Đại Hành (về phía tường rào trường TH Tây Sơn) - Toàn bộ khuôn viên phía trong Công viên Thống Nhất và các hộ dân bên dãy số chẵn của phố Nguyễn Đình Chiểu	620,250	1,249	4,483	5	Dùng nhà SHCD cũ tại số 7 Thê Giao (38.9m), 238 Bà Triệu
6	Lê Đại Hành 2	Toàn bộ: tổ 16, tổ 18, tổ 19 và 1 phần tổ 15	Được giới hạn bởi phố và ngõ (tính từ giữa tim đường): - Phố Lê Đại Hành (từ số nhà 51 đến số nhà 91) - Phố Hoa Lư (từ số nhà 2 đến số nhà 30) - Phố Đại Cồ Việt (từ số nhà 66 đến số nhà 122.) - Phố Nguyễn Đình Chiểu (từ số nhà 43 đến số nhà 141) toàn bộ hai bên vỉa hè và lòng đường - Ngõ 55 phố Lê Đại Hành.	95,990	1,224	3,894	5	Dùng nhà SHCD tại số 145 Nguyễn Đình Chiểu (205.9m), 26B ngõ 55 Lê Đại Hành, 12 Vân Hồ, ngõ 65 Vân Hồ

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
7	Lê Đại Hành 3	Phần lớn tổ 17 và 1 phần tổ 15	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Lê Đại Hành (từ số nhà 01 đến số nhà 39) - Phố Đại Cồ Việt (từ số nhà 04 đến số nhà 64) và toàn bộ hè phố giáp với Công viên Thống Nhất - Phố Hoa Lư (từ số nhà 01 đến số nhà 03)	58,040	956	3,386	4	Dùng nhà SHCĐ tại địa chỉ 193 Bà Triệu (141.4m)
8	Lê Đại Hành 4	Toàn bộ tổ 14, 1 phần tổ 17, 15, 11, 40	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Đoàn Trần Nghiệp (từ số nhà 01 đến số nhà 23) - Phố Huế (từ số nhà 282 đến số nhà 364) - Phố Đại Cồ Việt - Phố Lê Đại Hành (từ số nhà 2 đến số nhà 50).	61,235	853	2,849	4	Dùng Nhà SHCĐ Tổ DP số 14 cũ tại địa chỉ 161 Mai Hắc Đế (133m)
9	Phạm Đình Hồ 1	Toàn bộ tổ 32, tổ 33, phần lớn tổ 31 và 1 phần tổ 30	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Lê Văn Hưu (từ số nhà 47 đến số nhà 61) - Phố Ngô Thị Nhậm (từ số nhà 16 đến số nhà 80) - Phố Hòa Mã (từ số nhà 108 đến số nhà 52) - Phố Thi Sách kéo dài - Phố Nguyễn Công Trứ (từ vườn hoa Thi Sách đến số nhà 32) - Phố Huế (từ số nhà 175 đến số nhà 49)	84,610	1,289	3,592	5	Dùng nhà SHCĐ tổ 32 cũ tại địa chỉ số 3 Phùng Khắc Khoan (30m)
10	Phạm Đình Hồ 2	Toàn bộ tổ 29, phần lớn tổ 30 và 1 phần: tổ 25, 26, 31	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): - Phố Lê Văn Hưu (từ số nhà 73 đến số nhà 5) - Phố Lò Đúc (từ số nhà 2 đến số nhà 24) - Phố Trần Xuân Soạn. - Phố Lê Ngọc Hân (từ số nhà 8 đến số nhà 52) - Phố Hòa Mã (từ số nhà 22 đến số nhà 70) - Phố Ngô Thị Nhậm (từ số nhà 65 đến số nhà 9).	63,300	1,267	4,116	5	Mượn trường TH Ngô Thị Nhậm do địa giới các tổ chưa tìm được điểm đất công

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m ²	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
11	Phạm Đình Hồ 3	Toàn bộ tổ 23, 1 phần tổ: 21, 24, 25, 26, 27	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Hàn Thuyên (từ số nhà 29 đến số nhà 1) - Phố Tăng Bạt Hổ (từ số nhà 2 đến số nhà 30) - Phố Phạm Đình Hồ (từ số nhà 8 đến số nhà 24) - Phố Hòa Mã (từ số nhà 4 đến số nhà 16) - Phố Lê Ngọc Hân (từ số nhà 55 đến số nhà 1) - Phố Trần Xuân Soạn - Phố Lò Đức (từ số 27 đến số 1) 	74,770	1,359	4,335	5	Dùng Nhà SHCĐ tại số 3 Hàng Chuối (206.5m)
12	Phạm Đình Hồ 4	Toàn bộ tổ 22, 28, phần lớn tổ 27 và 1 phần tổ 21, 24, 49	Được giới hạn bởi phố (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Thi Sách kéo dài (phần hè phố về phía điểm đất 94 Lò Đức). - Phố Hòa Mã (từ trường THCS Lê Ngọc Hân đến số nhà 1). - Phố Phạm Đình Hồ (từ số nhà 21 đến số nhà 7) - Phố Tăng Bạt Hổ (về phía Cung văn hóa thể thao Thanh Niên) - Phố Trần Thánh Tông (về phía Cung văn hóa thể thao Thanh Niên). - Phố Lê Quý Đôn (về phía Viện vệ sinh dịch tễ TW) - Phố Nguyễn Cao (về phía Viện vệ sinh dịch tễ TW) - Phố Lò Đức (về phía Viện VS dịch tễ TW đến hết Tổng cục Thuế) - Phố Nguyễn Công Trứ (từ số 32 đến hết điểm đất 94 Lò Đức). 	177,665	1,204	4,124	5	Dùng Nhà SHCĐ tại số 78 Lò Đức (31.1m), 28 Nguyễn Trung Nganh, 74 Lò Đức

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
13	Phố Huế 1	Toàn bộ tổ 37 và phần lớn tổ 39	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Nguyễn Công Trứ - Các dãy tập thể Nguyễn Công Trứ (H1, D3, D2, D1, E, C) - Ngõ 2 phố Trần Cao Vân - Phố Trần Cao Vân (từ số nhà 94 đến số nhà 132) - Phố Yên Bái 2 (từ số nhà 4 đến số nhà 12) - Tường rào bệnh viện Bưu Điện - Phố Huế (từ số nhà 281 đến số nhà 175) 	35,160	1,079	3,262	5	Dùng Nhà SHCĐ tại Nhà E- D1 tập thể Nguyễn Công Trứ (78.9m)
14	Phố Huế 2	Toàn bộ tổ 36 và tổ 38	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Nguyễn Công Trứ (từ dãy nhà phía trước tập thể H2 đến số nhà 69) - Phố Lê Gia Định (về phía khu tập thể Nguyễn Công Trứ) - Đường nội bộ Nguyễn Công Trứ - Các dãy tập thể Nguyễn Công Trứ (N3+N5, B1, B2, H5, H4, H3, H2) 	35,220	906	3,147	4	Dùng Nhà SHCĐ tại Đường ngang II - TT Nguyễn Công Trứ (29.2m), nhà khu B2
15	Phố Huế 3	Phần lớn tổ 35 1 phần tổ 34 và tổ 40	Được giới hạn bởi phố, ngõ, ngách (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Huế (từ số nhà 351 đến số nhà 279) - Tường rào bệnh viện Bưu Điện. - Đường nội bộ khu tập thể Nguyễn Công Trứ (phía sau các khu tập thể C, B1, N3+N5) - Phố Lê Gia Định. - Ngõ 32 phố Chùa Vua. - Phố Chùa Vua - Phố Thịnh Yên (từ số nhà 39 đến số nhà 5) - Phố Yên Bái 2 (từ số nhà 2 đến số nhà 68) - Phố Trần Khát Chân (từ số nhà 556 đến số nhà 566) 	45,800	815	2,514	4	Dùng Nhà SHCĐ tại trước nhà D1, D2 Nguyễn Công Trứ (168,5m)

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
16	Phố Huế 4	Toàn bộ tổ 40A, phần lớn 34 và 1 phần tổ 35	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Lê Gia Đình - Tường rào công ty công trình giao thông Hà Nội - Ngõ 424 Trần Khát Chân (từ số nhà 37 đến số nhà 1) - Phố Trần Khát Chân (từ số nhà 424 đến số nhà 550) - Phố Yên Bái 2 (từ số nhà 51 đến số nhà 23) - Phố Thịnh Yên (từ số nhà 2 đến số nhà 52) - Phố Chùa Vua - Ngõ 32 phố Chùa Vua. 	50,320	981	3,365	4	Dùng nhà SHCD tại số 19 ngõ 31 Yên Bái 2 (43m)
17	Đông Nhân 1	Toàn bộ: tổ 41, tổ 43, 1 phần: tổ 42, hồ Hai Bà Trưng	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Nguyễn Công Trứ (từ số nhà 69 đến số nhà 31B) - Phố Đỗ Ngọc Du (từ số nhà 2 đến số nhà 8) - Ngõ 1 Đông Nhân - Ngách 11/108 phố Lò Đúc - Ngõ 15 Hương Viên (về phía trường THPT Trần Nhân Tông) - Phố Hương Viên và toàn bộ hồ Hai Bà Trưng (trừ toàn bộ lòng đường và vỉa hè hai bên từ số nhà 15 đến số nhà 49) - Phố Thọ Lão - Ngõ 108 phố Thọ Lão (toàn bộ trường Tiểu học Trưng Trắc và THCS Trưng Nhị) - Ngõ 37 phố Lê Gia Đình - Phố Lê Gia Đình 	71,800	1,092	3,947	5	Dùng nhà SHCD tại ngõ 8 Hương Viên (93.5m), nhà SHCD ngõ 1 Đông Nhân

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
18	Đồng Nhân 2	Phần lớn Tổ 49, và 1 phần tổ 42, tổ 50	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): - Phố Nguyễn Công Trứ (từ số nhà 31A đến số nhà 1) - Phố Lò Đúc (từ số nhà 166 đến số nhà 96) - Phố Thọ Lão (từ khu tập thể Thông tấn xã Việt Nam đến số nhà 2) - Phố Hương Viên (toàn bộ lòng đường và vỉa hè hai bên từ số nhà 15 đến số nhà 49) - Ngõ 15 Hương Viên - Ngách 11/108 phố Lò Đúc - Ngõ 1 Đồng Nhân (từ số nhà 1 đến số nhà 19) - Đường Đồng Nhân từ số 2 đến số 4 - Phố Đỗ Ngọc Du (từ số nhà 21 đến số nhà 7)	44,150	1,089	3,639	5	Dùng Nhà SHCD tại 132 Lò Đúc, nhà SHCD tại ngõ 16 Thọ Lão
19	Đồng Nhân 3	Toàn bộ: tổ 44, tổ 45, tổ 46	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): - Phố Thọ Lão (từ Tập thể Nhà máy rượu Hà Nội đến số nhà 37 phố Thọ Lão. - Ngõ 108 phố Thọ Lão (từ số nhà 1 đến tường rào trường THCS Trung Nhì và trường TH Trương Trắc) - Phố Lê Gia Đình (từ số nhà 39 đến số tập thể Bộ công nghiệp nhẹ) - Tường rào công ty công trình giao thông Hà Nội - Ngõ 424 Trần Khát Chân (từ số nhà 127 đến số nhà 41)	32,290	1,318	4,849	5	Dùng nhà SHCD tại TT nhà máy rượu (230m)

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
20	Đông Nhân 4	Toàn bộ: tổ 20, tổ 47, tổ 48	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Thọ Lão (từ ngõ 1 Thọ Lão đến số nhà 23) - Đường nội bộ của khu tập thể Trần Hưng Đạo, TT nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo - Ngõ 424 Trần Khát Chân (Từ số nhà 12 đến số nhà 2) - Phố Trần Khát Chân (từ số nhà 422 đến số nhà 262) - Ngõ 272 Trần Khát Chân (từ số nhà 1 đến số nhà 49) 	47,620	1,084	3,662	5	Dùng Nhà SHCĐ tại 272 Trần Khát Chân (200m), ngõ 3 dốc Thọ Lão
21	Đông Nhân 5	Toàn bộ: tổ 51, 1 phần tổ 50, tổ 55	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Thọ Lão (từ ngõ 1 đến ngõ 3 Lò Đúc - Thọ Lão) - Phố Lò Đúc (từ số nhà 168 đến số nhà 256) - Phố Trần Khát Chân. - Ngõ 272 Trần Khát Chân (từ số nhà 2 đến số 124) - Phần tiếp giáp với Tổ Đông Nhân 4 - Ngõ 1 phố Thọ Lão. 	30,225	1,200	3,415	5	Dùng Nhà SHCĐ tại Tầng 1 nhà H, Ngõ 190 Lò Đúc (Nhà SHCĐ) (176m)
22	Đông Nhân 6	Toàn bộ: tổ 52, tổ 53. tổ 54 và 1 phần tổ 55	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Nguyễn Cao (từ số nhà 73 đến số nhà 31) - Ngõ 31 phố Nguyễn Cao - Phía ngoài tường rào Xí nghiệp KD nước sạch Hai Bà Trưng. - Phố Trần Khát Chân - Phố Lò Đúc (từ số nhà 203 đến số nhà 139) 	52,375	1,340	4,478	5	Dùng Nhà SHCĐ tại 51 Cẩm Hội (80m), tại ngách 63/8 Nguyễn Cao, ngõ 43 Nguyễn Cao và ngõ 67 Cẩm Hội

TT	Tên TDP sau sát nhập	Tổ dân phố trước khi sáp nhập	Phạm vi vị trí địa lý tổ dân phố mới	Diện tích m2	Số hộ mới	Số dân mới	Người hoạt động KCT	Nhà sinh hoạt cộng đồng
23	Bạch Đằng 1	Toàn bộ: tổ 59, tổ 60 và 1 phần tổ 21	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Phố Trần Hưng Đạo (toàn bộ Khu tập thể và khuôn viên BV 108) - Đường Trần Khánh Dư (Từ bệnh viện 108 đến số nhà 19). - Ngách 21 ngõ 31 phố Nguyễn Cao (từ số nhà 109 đến số nhà 1) - Ngõ 31 phố Nguyễn Cao (từ số nhà 21 đến số nhà 1) - Phố Nguyễn Cao (từ số nhà 31 đến số nhà 1) - Phố Trần Thánh Tông (từ số 5 đến số 1) 	172,464	1,190	3,285	5	Nhà SHCD tại số 1 Trần Thánh Tông (32m)
24	Bạch Đằng 2	Toàn bộ tổ 58 và 1 phần tổ 57	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Đường Nguyễn Khoái (từ nhà số 2 đến nhà số 4) - Ngõ 4 đường Nguyễn Khoái - Ngõ 49 phố Lương Yên - Ngõ 82 phố Lương Yên (từ số nhà 2 đến số nhà 14) - Ngách 130 ngõ 31 phố Nguyễn Cao - Phần tiếp giáp với tổ Đồng Nhân 6 	64,215	881	2,336	4	Dùng nhà SHCD tại 49 ngõ 31 Nguyễn Cao (42m)
25	Bạch Đằng 3	Toàn bộ tổ 56 và phần lớn tổ 57	Được giới hạn bởi phố, ngõ (tính từ giữa tim đường): <ul style="list-style-type: none"> - Đường Nguyễn Khoái (từ số nhà 4 đến số nhà 32) - Phố Trần Khát Chân - Toàn bộ khuôn viên Xí nghiệp nước sạch Hai Bà Trưng - Ngách 130 ngõ 31 phố Nguyễn Cao - Ngõ 82 phố Lương Yên (từ số nhà 15 đến số nhà 1) - Phố Lương Yên. - Ngõ 49 phố Lương Yên (từ số nhà 2 đến số nhà 26) - Ngõ 4 đường Nguyễn Khoái (từ số nhà 23 đến số nhà 1) 	61,160	1,067	3,013	5	Dùng nhà SHCD tại 92 Lương Yên (118m), 26 ngõ 49 Lương Yên

